TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2024/DS-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Phương –Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Hộ Kinh doanh Thuận L

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Hòa Lợi 4, xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, An Giang

Do Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm: 1981 làm chủ hộ kinh doanh theo Giấy đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 52J8006880 đăng ký lần đầu ngày 03.9.2013 do phòng Tài Chính – Kế hoạch huyện Châu Thành cấp (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Hòa Lợi 4, xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, An Giang

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Hòa Lợi 4, xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 04/8/2023 nguyên đơn hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K đại diện kinh doanh trình bày:

Ông Huỳnh Tấn K có kinh doanh vật tư nông nghiệp nhỏ lẻ, có đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 52J8006880 đăng ký lần đầu ngày 03.9.2013 do phòng Tài Chính –Kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp. Ông với ông T mua bán vật tư nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu từ năm 2020 cho đến nay. Hình thức thanh toán thu hoạch vụ xong sẽ trả tiền (bán gối đầu) đến ngày 15/4/2021 ông với ông T chốt nợ, thống nhất còn nợ đến ngày 08/9/2022 có lập bảng kê công nợ , hai bên thống nhất ông T còn nợ tổng số tiền vốn lãi là 106.823.000đ. Từ ngày chốt nợ thì ông T không trả vốn lãi cho ông. Nay ông yêu cầu ông K trả cho ông số tiền còn nợ 106.823.000đ và lãi suất 20% từ ngày hai bên chốt nợ là ngày 08/9/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Phạm Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 106.823.000 đồng. Đề nghị chấp nhận việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi suất; đình chỉ yêu cầu về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Huỳnh Tấn K khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh T trả tiền nợ mua vật tư nông

nghiệp theo hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu công nợ. Bị đơn ông Phạm Thanh T hiện đang cư trú tại: Tổ 2, ấp Hòa Lợi 2, xã Vĩnh Lợi, huyện Châu Thành, An Giang theo xác nhận ngày 07/5/2024 của Công an xã Vĩnh L, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về quyền, nghĩa vụ của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh T được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng như: phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Nhưng phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến; Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ông T đã thể hiện sự không tôn trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như từ bỏ quyền và không thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS năm 2015.

[1.4]Về sự có mặt của đương sự: Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xi xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu ông Huỳnh Tấn K đại diện hộ kinh doanh Thuận Lợi yêu cầu trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 106.823.000 đồng (Một trăm lẽ sáu triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn đồng) và rút lại yêu cầu tính lãi suất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông K đã cung cấp chứng cứ là : "Hợp đồng mua bán phân bón (bản chính), thuốc bảo vệ thực vật và Bảng kê công nợ (bản chính)" có chữ ký nhận và ghi rõ họ tên của ông Phạm Thanh T. Trong suốt quá trình tố tụng, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do ông K cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Phạm Thanh T còn nợ hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông K chủ hộ kinh doanh số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu số tiền là 106.823.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nên căn cứ quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K làm chủ hộ kinh doanh số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu số tiền là 106.823.000 đồng (Một trăm lẽ sáu triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn đồng).

-Đối với yêu về lãi suất: Ông K rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại một phần yêu cầu giải quyết đối với lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 5 của BLTTDS nên được HĐXX xem xét theo quy định tại Điều 244 BLTTDS và được đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 BLTTDS 2015.

Từ những phân tích và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX xem xét chấp nhận. Do đó, ông Phạm Thanh T phải có trách nhiệm trả cho hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh số tiền 106.823.000 đồng (Một trăm lẽ sáu triệu,tám trăm hai mươi ba ngàn đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp được quy định tại Điều144 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Ông Phạm Thanh T có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 177, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ kinh doanh Thuận L do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Thanh T trả tiền lãi suất.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh đối với ông Phạm Thanh T. Buộc Phạm Thanh T có trách nhiệm trả cho hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh số tiền là 106.823.000 đồng (Một trăm lẽ sáu triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn hộ kinh doanh Thuận Lợi do ông Huỳnh Tấn K chủ hộ kinh doanh đại diện được nhận lại số tiền 2.671.000 đồng (hai triệu, sáu trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004541 ngày 11/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Phạm Thanh T phải chịu 5.342.000 đồng (Năm triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang